

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch
Ông Lê Văn Thu	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Hùng	Thành viên
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Minh Chiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Tuấn Tài	Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Số. 0255 /Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 8 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 26. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”). Thông tư 179 thay thế thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Lê Chí Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 8 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1529/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		158.264.817.082	142.867.008.686
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.885.713.980	24.946.433.456
1. Tiền	111		9.814.725.580	4.001.225.856
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.070.988.400	20.945.207.600
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.987.687.099	81.932.580.989
1. Phải thu khách hàng	131		105.595.111.823	77.949.000.621
2. Trả trước cho người bán	132		5.687.128.566	7.164.127.500
3. Các khoản phải thu khác	135		326.870.811	1.465.802.681
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.621.424.101)	(4.646.349.813)
III. Hàng tồn kho	140		22.264.593.924	29.975.158.435
1. Hàng tồn kho	141	6	22.264.593.924	29.975.158.435
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.126.822.079	6.012.835.806
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		108.291.490	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	7.018.530.589	6.012.835.806
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		29.973.094.382	30.136.225.021
I. Tài sản cố định	220		23.452.735.862	23.469.817.737
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	10.727.817.306	10.832.832.067
- Nguyên giá	222		36.547.420.184	35.230.711.729
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.819.602.878)	(24.397.879.662)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	12.413.728.276	12.325.795.390
- Nguyên giá	228		16.030.208.411	15.588.308.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.616.480.135)	(3.262.513.021)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		311.190.280	311.190.280
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.670.790.000	4.570.790.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	4.670.790.000	4.570.790.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.849.568.520	2.095.617.284
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.696.568.520	2.085.617.284
2. Tài sản dài hạn khác	268		153.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		188.237.911.464	173.003.233.707

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		125.491.580.126	112.584.618.733
I. Nợ ngắn hạn	310		125.491.580.126	111.621.573.453
1. Vay ngắn hạn	311	11	3.288.826.179	2.975.785.094
2. Phải trả người bán	312		4.652.797.533	3.508.412.325
3. Người mua trả tiền trước	313		38.898.660.011	47.689.489.527
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	11.491.685.373	10.251.444.813
5. Phải trả người lao động	315		38.648.386.149	22.894.971.258
6. Chi phí phải trả	316	13	10.756.779.287	6.243.075.903
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	15.843.512.527	14.549.851.966
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.910.933.067	3.508.542.567
II. Nợ dài hạn	330		-	963.045.280
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	963.045.280
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		62.746.331.338	60.418.614.974
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	62.746.331.338	60.418.614.974
1. Vốn cổ phần	411		33.810.000.000	33.810.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.000.000	45.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(140.000)	(140.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	654.377.899
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.043.345.835	5.979.250.722
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.704.059.240	2.519.059.240
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.144.066.263	17.411.067.113
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		188.237.911.464	173.003.233.707

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		12.814,10	12.666,93
- Euro (EUR)		183.113,43	177.008,68

Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Người lập biểu
Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính
Kế Toán

Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	17	192.566.931.517	212.096.226.163
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		192.566.931.517	212.096.226.163
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	18	149.228.354.862	164.699.741.781
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		43.338.576.655	47.396.484.382
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.134.684.817	1.248.900.767
6. Chi phí tài chính	22	21	391.963.496	503.049.488
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		388.675.361	502.607.908
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.764.649.583	25.239.820.976
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		17.316.648.393	22.902.514.685
9. Thu nhập khác	31		795.059.563	1.574.004.172
10. Chi phí khác	32		1.973.635.870	4.676.502.985
11. Lỗ từ hoạt động khác (40=31-32)	40	22	(1.178.576.307)	(3.102.498.813)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.138.072.086	19.800.015.872
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	3.994.005.823	4.980.753.969
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		12.144.066.263	14.819.261.903
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	3.437	4.383


Nguyễn Thị Ngọc Ánh
 Người lập biểu
 Ngày 8 tháng 3 năm 2013


Phạm Hoàng Vinh
 Trưởng phòng Tài chính
 Kế Toán


Thái Tuấn Tài
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.138.072.086	19.800.015.872
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.775.690.330	2.680.742.720
- Các khoản dự phòng	03	1.975.074.288	11.576.449
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(524.927.169)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(598.733.377)	(1.092.590.964)
- Chi phí lãi vay	06	388.675.361	502.607.908
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.153.851.519	21.902.351.985
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(26.657.774.761)	8.635.215.004
- Thay đổi hàng tồn kho	10	7.710.564.511	4.943.717.347
- Thay đổi các khoản phải trả	11	11.514.049.665	(7.732.129.524)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	389.048.764	(221.102.908)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(388.675.361)	(502.607.908)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.746.244.832)	(6.075.817.933)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	132.382.000	303.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.086.991.500)	(3.038.807.460)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.020.210.005	18.213.818.603
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(2.445.582.500)	(3.938.912.428)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	173.399.957
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.000.000)	(220.790.000)
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	598.733.377	897.776.519
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.946.849.123)	(3.088.525.952)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	9.261.727.846	4.694.499.174
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.948.686.761)	(7.813.800.296)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(3.453.048.000)	(3.150.964.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.140.006.915)	(6.270.265.122)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.066.646.033)	8.855.027.529
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.946.433.456	15.997.069.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.926.557	94.335.955
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	23.885.713.980	24.946.433.456

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 54.545.455 đồng (năm 2011: 741.519.500 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm không bao gồm 7.009.105.000 đồng (năm 2011: 3.700.181.000 đồng) là số tiền cổ tức đã công bố nhưng chưa thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Người lập biểu
Ngày 8 tháng 3 năm 2013



Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính
Kế Toán

Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301475102 ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 1 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở Giao chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TV3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 586 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 620 người).

Công ty có hai đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện và Chi nhánh Miền Trung. Ngoài ra, Công ty có một Văn phòng đại diện tại Hà Nội hạch toán phụ thuộc Công ty.

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập qui hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường; Lập tổng dự toán công trình;
- Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thi công khoan cọc bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình xây dựng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát công tác khảo sát địa chất công trình; giám sát công tác lắp đặt phân điện công trình công nghiệp; giám sát công tác phân điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Tư vấn quản lý dự án; tư vấn lập hồ sơ: đền bù, giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình;
- Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng;
- Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng; và
- Kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản ký quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh của các dịch vụ khảo sát, thiết kế chưa hoàn thành và chưa được xác định doanh thu.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2012</u>
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm. Tài sản cố định vô hình khác là giá trị lợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

thể kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty cho mục đích cổ phần hóa tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 và được khấu hao trong thời gian 10 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bốn năm.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn do giảm giá các khoản đầu tư này hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Ghi nhận doanh thu

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư tiền gửi và lãi suất được hưởng.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10").

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng 654.377.899 đồng và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm 654.377.899 đồng và theo đó số dư khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 654.377.899 đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Chi phí đi vay**

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định số thuế thu nhập phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	191.644.695	255.604.452
Tiền gửi ngân hàng	9.623.080.885	3.745.621.404
Các khoản tương đương tiền	14.070.988.400	20.945.207.600
	23.885.713.980	24.946.433.456

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn là 1 tháng và 3 tháng kể từ ngày gửi tiền với lãi suất là 8%/năm và 9%/năm (năm 2011: 6% và 14%) tùy thuộc vào

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

kỳ hạn gửi cho khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam, lãi suất 0,5%/năm (năm 2011: 0,5%) cho khoản tiền gửi bằng đô la Mỹ, và lãi suất 1,2%/năm (năm 2011: 0,6%) cho khoản tiền gửi bằng đồng Euro.

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	153.386.164	151.261.449
Công cụ, dụng cụ	2.808.017	2.603.197
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.108.399.743	29.821.293.789
	<u>22.264.593.924</u>	<u>29.975.158.435</u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác thể hiện số dư tạm ứng cho nhân viên để thực hiện dự án.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	7.737.893.922	10.651.233.741	13.698.453.332	3.143.130.734	35.230.711.729
Tăng trong năm	-	926.405.455	-	390.303.000	1.316.708.455
Tại ngày 31/12/2012	<u>7.737.893.922</u>	<u>11.577.639.196</u>	<u>13.698.453.332</u>	<u>3.533.433.734</u>	<u>36.547.420.184</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	2.094.992.970	8.735.509.592	10.848.751.349	2.718.625.751	24.397.879.662
Khấu hao trong năm	321.642.000	460.175.983	424.131.780	215.773.453	1.421.723.216
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.416.634.970</u>	<u>9.195.685.575</u>	<u>11.272.883.129</u>	<u>2.934.399.204</u>	<u>25.819.602.878</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	<u>5.321.258.952</u>	<u>2.381.953.621</u>	<u>2.425.570.203</u>	<u>599.034.530</u>	<u>10.727.817.306</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>5.642.900.952</u>	<u>1.915.724.149</u>	<u>2.849.701.983</u>	<u>424.504.983</u>	<u>10.832.832.067</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 14.960.216.087 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 13.312.581.864 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2012	11.531.625.992	1.695.117.698	2.361.564.721	15.588.308.411
Tăng trong năm	396.900.000	45.000.000	-	441.900.000
Tại ngày 31/12/2012	11.928.525.992	1.740.117.698	2.361.564.721	16.030.208.411
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2012	441.524.075	1.640.206.586	1.180.782.360	3.262.513.021
Khấu hao trong năm	86.860.642	30.950.000	236.156.472	353.967.114
Tại ngày 31/12/2012	528.384.717	1.671.156.586	1.416.938.832	3.616.480.135
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	<u>11.400.141.275</u>	<u>68.961.112</u>	<u>944.625.889</u>	<u>12.413.728.276</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>11.090.101.917</u>	<u>54.911.112</u>	<u>1.180.782.361</u>	<u>12.325.795.390</u>

Quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn với nguyên giá là 8.299.560.992 đồng và quyền sử dụng đất có thời hạn là 50 năm với nguyên giá là 3.628.965.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.628.517.698 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.628.517.698 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 3.628.965.000 đồng và 3.114.861.625 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.628.965.000 đồng và 3.187.440.925 đồng) để đảm bảo cho khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	1.300.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung	220.790.000	220.790.000
	<u>4.670.790.000</u>	<u>4.570.790.000</u>

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ góp 0,86% vốn điều lệ, góp vốn vào Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình với tỷ lệ góp vốn là 10%, đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung với tỷ lệ 0,036%. Hiện tại, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có khoản tổn thất đáng kể nào đối với khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của công ty này. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không cần thiết trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	2.803.826.179	2.975.785.094
Nhân viên Công ty	485.000.000	-
	3.288.826.179	2.975.785.094

Vay ngắn hạn thể hiện:

- Khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng ngày 7 tháng 9 năm 2012. Thời hạn vay là 6 tháng và lãi suất là 9%/năm. Công ty hoàn trả nợ gốc vào ngày đáo hạn của các khoản vay và thanh toán lãi vay vào ngày 25 hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập trên cơ sở hợp đồng tín dụng hạn mức số 26/2012/95234 ngày 8 tháng 5 năm 2012. Theo đó, Công ty có thể rút bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ với mức dư nợ tối đa là 20.000.000.000 đồng với thời hạn rút vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất ở Quận 2 (xem Thuyết minh số 9), toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của Công ty tại các ngân hàng (xem Thuyết minh số 5), và các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo cho khoản vay này.

- Các khoản vay tín chấp từ các nhân viên Công ty theo các Hợp đồng huy động vốn số 015/HĐHĐV-2012 ngày 15 tháng 12 năm 2012, số 016/HĐHĐV-2012 ngày 15 tháng 12 năm 2012, số 017/HĐHĐV-2012 ngày 22 tháng 12 năm 2012 và số 018/HĐHĐV-2012 ngày 29 tháng 12 năm 2012. Thời hạn vay là 3 tháng và lãi suất là 9,5%/năm. Công ty hoàn trả nợ gốc và thanh toán lãi vay vào ngày đáo hạn của các khoản vay. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.932.018.025	6.875.397.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.418.053.700	3.170.292.709
Thuế thu nhập cá nhân	141.613.648	205.754.142
	11.491.685.373	10.251.444.813

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí thuê ngoài để thực hiện dự án	10.658.071.086	6.114.375.903
Chi phí hoạt động khác	98.708.201	128.700.000
	10.756.779.287	6.243.075.903

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	3.643.109.270	2.750.545.760
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	144.557.701	135.806.082
Cổ tức phải trả	7.009.105.000	3.700.181.000
Khoản phải trả tập đoàn	-	2.142.405.593
Lương, chi phí khoán công trình phải trả	2.758.798.002	1.621.406.838
Phải trả khác	2.287.942.554	4.199.506.693
	15.843.512.527	14.549.851.966

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2012 Cổ phần	31/12/2011 Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.380.986	3.380.986

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 33.810.000.000 đồng (năm 2011: 33.810.000.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Số vốn đã góp VND	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	16.491.570.000	48,78
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	4.221.390.000	12,49

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quy	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2011	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	440.588.522	3.379.250.722	1.349.059.240	16.881.777.210	55.905.535.694
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	213.789.377	-	-	-	213.789.377
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	14.819.261.903	14.819.261.903
Trích lập quỹ	-	-	-	-	2.600.000.000	1.170.000.000	(7.528.000.000)	(3.758.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.761.972.000)	(6.761.972.000)
Tại ngày 31/12/2011	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	654.377.899	5.979.250.722	2.519.059.240	17.411.067.113	60.418.614.974
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(654.377.899)	-	-	-	(654.377.899)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	12.144.066.263	12.144.066.263
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	-	7.064.095.113	1.275.000.000	(10.649.095.113)	(2.310.000.000)
Chi quỹ (**)	-	-	-	-	-	(90.000.000)	-	(90.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	(6.761.972.000)	(6.761.972.000)
Tại ngày 31/12/2012	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	-	13.043.345.835	3.704.059.240	12.144.066.263	62.746.331.338

(*) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, và Quỹ thường Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Công ty với số tiền lần lượt là 7.064.095.113 đồng, 1.275.000.000 đồng, 2.103.000.000 đồng, và 207.000.000 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0087/NQ-TVĐ3-ĐHĐCĐ thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2012. Cũng theo Nghị quyết số 0087 này, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức năm 2011 với số tiền là 6.761.972.000 đồng.

(**) Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt Biên bản xử lý các công trình bị phạt hợp đồng số 3733/BB-TVĐ3. Theo đó, Công ty đã sử dụng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp các khoản tiền phạt với số tiền là 90.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 là cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát và tư vấn thiết kế. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 17 và số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”, và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

17. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn khảo sát	38.668.972.802	64.171.025.627
Doanh thu dịch vụ tư vấn thiết kế	153.897.958.715	147.925.200.536
	192.566.931.517	212.096.226.163

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn khảo sát	33.490.188.003	50.827.042.751
Giá vốn dịch vụ tư vấn thiết kế	115.738.166.859	113.872.699.030
	149.228.354.862	164.699.741.781

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.959.945.511	2.630.969.482
Chi phí nhân công	102.793.744.722	99.950.500.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.775.690.330	2.680.742.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.619.816.623	80.299.411.253
Chi phí khác	7.572.612.688	5.557.288.760
	171.721.809.874	191.118.912.951

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	598.733.377	897.776.519
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	524.927.169	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.024.271	351.124.248
	1.134.684.817	1.248.900.767

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền vay	388.675.361	502.607.908
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.288.135	-
Chi phí khác	-	441.580
	391.963.496	503.049.488

22. LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2012 VND	2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	197.900.457
Chi phí trả thừa của những năm trước	401.272	1.142.823.690
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	772.089.080	-
Thu khác	22.569.211	233.280.025
	795.059.563	1.574.004.172
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	3.086.012
Chi phí các công trình không ký hợp đồng	1.550.427.209	4.665.392.342
và chi phí sau nghiệm thu	246.810.486	-
Chi phí phạt do chậm tiến độ	176.398.175	8.024.631
Chi khác	1.973.635.870	4.676.502.985
	(1.178.576.307)	(3.102.498.813)

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	16.138.072.086	19.800.015.872
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(343.561.366)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	181.512.572	123.000.002
Thu nhập chịu thuế	15.976.023.292	19.923.015.874
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.994.005.823	4.980.753.969

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại bởi vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm tài chính trên cơ sở các số liệu sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận sau thuế	12.144.066.263	14.819.261.903
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(524.927.169)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.619.139.094	14.819.261.903
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	3.380.986	3.380.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.437	4.383

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.494.545.455	1.566.690.908

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	1.374.545.455	1.543.612.121
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.374.545.455
	1.374.545.455	2.918.157.576

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện khoản tiền phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến hợp đồng thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ 32 Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3 với chi phí thuê hàng tháng là 114.545.455 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Thời hạn thuê là 2 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.885.713.980	24.946.433.456
Phải thu khách hàng	98.973.687.722	73.302.650.808
Các khoản ký quỹ	153.000.000	106.000.000
	123.012.401.702	98.355.084.264
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	3.288.826.179	2.975.785.094
Phải trả người bán và phải trả khác	11.661.902.533	9.350.998.918
Chi phí phải trả	10.756.779.287	6.243.075.903
	25.707.507.999	18.569.859.915

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.811.506.046	3.682.988.090	2.014.413.255	-
Euro (EUR)	350.734.090	345.579.184	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012 VND	2011 VND
Đô la Mỹ (USD)	179.709.279	368.298.809
Euro (EUR)	35.073.409	34.557.918

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng hợp số liệu của khoản tài sản tài chính hưởng lãi (các khoản tương đương tiền) của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 5 của Thuyết minh báo cáo tài chính. Chính sách của công ty là duy trì các khoản tương đương tiền hưởng lãi suất cố định.

Công ty cũng chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng, rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện ở số dư của khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” trên Bảng cân đối kế toán.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.885.713.980	-	23.885.713.980
Phải thu khách hàng	98.973.687.722	-	98.973.687.722
Các khoản ký quỹ	-	153.000.000	153.000.000
	122.859.401.702	153.000.000	123.012.401.702
31/12/2012			
Vay ngắn hạn	3.288.826.179	-	3.288.826.179
Phải trả người bán và phải trả khác	11.661.902.533	-	11.661.902.533
Chi phí phải trả	10.756.779.287	-	10.756.779.287
	25.707.507.999	-	25.707.507.999
Chênh lệch thanh khoản thuần	97.151.893.703	153.000.000	97.304.893.703
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.946.433.456	-	24.946.433.456
Phải thu khách hàng	73.302.650.808	-	73.302.650.808
Các khoản ký quỹ	96.000.000	10.000.000	106.000.000
	98.345.084.264	10.000.000	98.355.084.264
31/12/2011			
Vay ngắn hạn	2.975.785.094	-	2.975.785.094
Phải trả người bán và phải trả khác	9.350.998.918	-	9.350.998.918
Chi phí phải trả	6.243.075.903	-	6.243.075.903
	18.569.859.915	-	18.569.859.915
Chênh lệch thanh khoản thuần	79.775.224.349	10.000.000	79.785.224.349

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Cung cấp dịch vụ		
Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	45.967.440.260	45.125.275.696
Ban QLDA Thủy điện 1	15.948.578.150	16.846.113.500
Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	15.716.450.886	2.668.897.726
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	12.230.218.189	20.202.965.612
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	12.029.421.092	10.938.145.094
Ban QLDA Thủy điện 6	8.895.120.298	28.131.682.995
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	7.153.940.141	1.621.042.606
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	5.898.801.519	(142.592.217)
Công ty Truyền tải Điện 4	3.488.336.381	1.308.764.615
Công ty Thủy Điện Sông Tranh	3.018.778.751	-
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	2.963.907.295	4.023.234.196
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.339.614.613	2.144.115.149
Ban QLDA Thủy điện 5	2.143.289.687	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	1.373.949.544	3.628.561.092

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	1.057.475.826	362.780.909
Công ty Truyền tải Điện 3	880.850.876	4.174.860.897
Công ty Thủy điện Trị An	866.000.000	1.593.926.101
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	557.597.273	-
Ban QLDA các Công trình Điện tỉnh Đồng Nai	535.004.004	389.146.525
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	502.562.745	-
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	487.255.193	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	455.431.525	-
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	398.307.454	334.543.696
Ban QLDA Nhiệt điện 3	312.283.636	6.991.568.982
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	177.272.727	1.061.089.595
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	174.427.845	5.466.850
Ban QLDA Nhiệt điện 2	78.956.037	2.622.838.182
Công ty Truyền tải Điện 1	42.019.293	152.242.727
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc Gia	420.756	372.952.750
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	4.049.897.879
Công ty Truyền tải Điện 2	-	607.962.035
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	538.821.435
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	-	154.545.455
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	-	127.272.727

Chia cổ tức

Tập đoàn Điện lực Việt Nam	<u>3.298.314.000</u>	<u>3.298.314.000</u>
----------------------------	----------------------	----------------------

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	<u>1.995.539.224</u>	<u>2.703.777.986</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
--	--------------------------	--------------------------

Phải thu thương mại

Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	37.860.471.206	26.196.976.996
Ban QLDA Thủy điện 1	9.211.078.012	2.150.907.162
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	8.405.771.024	3.681.749.424
Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc Gia - Công ty Truyền tải Điện 4	3.006.126.749	1.396.394.956
Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	2.847.588.851	4.581.355.023
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	1.914.263.193	740.777.327
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	1.856.182.608	9.971.169.254
Ban QLDA Thủy điện 6	1.758.910.589	3.923.718.736
Ban QLDA Thủy điện 3	1.736.424.322	1.570.391.490
Ban QLDA Nhiệt điện 2	1.480.784.622	1.467.425.981
Công ty Truyền tải Điện 2	1.168.655.555	1.168.655.555
Công ty Thủy điện Trị An	952.600.000	821.101.450
Ban QLDA Thủy điện 5	725.335.264	51.628.600
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	521.886.916	657.886.455
Ban QLDA các Công trình điện tỉnh Đồng Nai	509.085.815	554.291.975
Công ty Truyền tải Điện 3	507.987.751	135.275.581

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	481.888.070	268.794.939
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	479.128.000	479.128.000
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	445.977.413	112.620.413
Công ty Truyền tải Điện 1	213.688.222	167.467.000
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	207.091.690	152.406.522
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	156.573.704	-
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	152.650.147	30.550.656
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	140.974.677	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	112.000.000	112.000.000
Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	14.246.200	14.246.200
Ban QLDA vay vốn ADB	1.410.549	1.410.549
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	669.945.579
Ban QLDA Nhiệt điện 3	-	309.350.000
Điện lực Vĩnh Long	-	78.250.163
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	-	16.289.913
Người mua ứng tiền trước		
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	8.949.262.097	798.592.097
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	4.442.987.971	5.556.282.214
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	3.042.467.737	2.305.102.339
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	1.690.674.750	4.385.083.669
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	1.096.804.443	2.636.847.767
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	827.479.574	1.467.028.810
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	763.405.402	381.702.701
Công ty Mua Bán điện (EPTC)	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	211.500.000	138.000.000
Công ty Cổ phần ĐTPT Điện Miền Trung	207.000.000	-
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	143.095.004	205.012.140
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	113.403.000	-
Ban QLDA các công trình điện tỉnh Đồng Nai	87.386.000	-
Trung tâm Điều độ Thông tin (HCMPC)	76.605.000	76.605.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	61.900.000	167.500.000
Điện lực Bình Dương	44.597.000	44.597.000
Trung tâm Tư vấn Xây dựng Điện - HCM PC	12.899.005	12.899.005
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	12.500.000	82.271.138
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	-	4.466.928.000
Ban QLDA Thủy Điện 1	-	602.884.808
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	-	551.500.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	-	415.000.000
Ban QLDA Thủy Điện 5	-	248.000.000
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	-	200.061.000
Điện lực Trà Vinh	-	12.302.950
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	60.824.300	60.824.300



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ứng trước cho người bán**

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận

- Đa Mi

1.350.500.000

1.350.500.000

Trung tâm Công nghệ Thông tin – Chi nhánh Công ty

Trung tâm Viễn thông Điện lực

29.000.000-**Phải trả cổ tức**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam

6.596.628.0003.298.314.000

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Người lập biểu

Ngày 8 tháng 3 năm 2013



Phạm Hoàng Vinh

Trưởng phòng Tài chính

Kế Toán



Thái Tuấn Tài

Tổng Giám đốc

